

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học viên cao học khóa 2014

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/09/2010 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Quyết định số 2822/QĐ-SĐH ngày 04/11/1991 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo cao học cho trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014;

Căn cứ báo cáo kết quả tuyển sinh của Hội đồng tuyển sinh Sau đại học trường Đại học Nông Lâm TP.HCM năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 441 thí sinh trúng tuyển cao học Khóa 2014 của trường Đại học Nông Lâm TP.HCM (Danh sách học viên kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Học viên cao học có trách nhiệm thực hiện quy chế và được hưởng mọi quyền lợi theo quy chế đào tạo Sau đại học đã ban hành.

Điều 3. Các Ông, Bà Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Phòng Đào tạo Sau đại học, Ban Chủ nhiệm các Khoa/ Bộ môn đào tạo Sau đại học và các học viên có tên trong danh sách ghi ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục Đại học;
- Vụ Kế hoạch Tài chính;
- Lưu HC, VP. SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Hay

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2014

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC NĂM 2014

(Kèm theo quyết định số 401 /QĐ-ĐHNL-SĐH, ngày 02 tháng 10 năm 2014)

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới	Chuyên ngành
1	Đặng Thiên Ân	19/03/1991	Lâm Đồng	Nam	Bảo vệ Thực vật
2	Đào Uyên Trân Đa	03/07/1990	Ninh Thuận	Nữ	Bảo vệ Thực vật
3	Phạm Nguyễn Hải Hằng	30/08/1991	Bình Thuận	Nữ	Bảo vệ Thực vật
4	Nguyễn Văn Hòa	20/07/1991	Bình Phước	Nữ	Bảo vệ Thực vật
5	Võ Tuấn Kiệt	01/01/1989	Long An	Nam	Bảo vệ Thực vật
6	Phan Thị Kim Loan	24/10/1981	Quảng Trị	Nam	Bảo vệ Thực vật
7	Nguyễn Vũ Phi Long	18/05/1981	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Bảo vệ Thực vật
8	Nguyễn Văn Minh	02/09/1982	Tiền Giang	Nam	Bảo vệ Thực vật
9	Trần Thị Tuyết Minh	20/04/1990	Đồng Tháp	Nữ	Bảo vệ Thực vật
10	Lâm Anh Nghiêm	24/10/1985	Tiền Giang	Nữ	Bảo vệ Thực vật
11	Trần Đồng Phước	19/05/1987	Bình Thuận	Nam	Bảo vệ Thực vật
12	Lâm Văn Phương	05/10/1989	Long An	Nam	Bảo vệ Thực vật
13	Nguyễn Trần Diễm Phương	12/05/1990	Tiền Giang	Nữ	Bảo vệ Thực vật
14	Trần Anh Thịnh	27/03/1981	Bình Thuận	Nam	Bảo vệ Thực vật
15	Nguyễn Thị Tú Trang	14/05/1989	Bình Thuận	Nữ	Bảo vệ Thực vật
16	Phí Thị Thu Trang	27/02/1991	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Bảo vệ Thực vật
17	Đinh Thị Ánh Tuyết	29/06/1988	Bình Định	Nữ	Bảo vệ Thực vật
18	Phạm Thanh Dung	11/04/1991	Bình Dương	Nữ	CN Chế biến lâm sản
19	Nguyễn Thế Lực	26/07/1990	Bình Định	Nam	CN Chế biến lâm sản
20	Lê Quang Nghĩa	01/04/1992	TP. Hồ Chí Minh	Nam	CN Chế biến lâm sản
21	Hồ Thảo Nguyên	05/12/1991	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	CN Chế biến lâm sản
22	Dương Thị Cẩm Tiên	20/11/1991	Bình Dương	Nữ	CN Chế biến lâm sản
23	Ngô Minh An	15/06/1982	Bến Tre	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
24	Nguyễn Minh Cảnh	25/08/1985	Tiền Giang	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
25	Dương Hoàng Cường	29/06/1983	Vĩnh Long	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
26	Phạm Quốc Cường	06/09/1990	Đồng Nai	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
27	Mai Xuân Điều	06/09/1991	Khánh Hoà	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
28	Dương Minh Đức	08/06/1984	Bến Tre	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
29	Trần Minh Hải	13/01/1980	Quảng Nam	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
30	Đặng Văn Hiệp	08/06/1976	Đồng Nai	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
31	Trương Hòa Hiệp	02/12/1965	Tiền Giang	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
32	Trần Đình Hy	04/06/1980	Quảng Ngãi	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
33	Nguyễn Phi Khang	07/08/1980	Bến Tre	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
34	Phạm Duy Lam	08/04/1980	Đồng Nai	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
35	Nguyễn Tuấn Linh	03/01/1974	Tiền Giang	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
36	Nguyễn Thành Long	19/07/1975	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
37	Phạm Điền Lynh	30/04/1979	Bến Tre	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
38	Nguyễn Hữu Nghĩa	10/09/1983	Bến Tre	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
39	Trương Văn Rảnh	00/00/1972	Bến Tre	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
40	Lương Quốc Siêu	30/12/1991	Bình Thuận	Nam	Kỹ thuật Cơ khí

STT	Họ và Tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới	Chuyên ngành
41	Vũ Ngọc	Son	01/04/1986	Lâm Đồng	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
42	Nguyễn Thiện	Tài	08/03/1985	Đồng Nai	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
43	Huỳnh Thái	Thanh	18/07/1977	Tiền Giang	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
44	Đoàn Thị Thanh	Thảo	02/12/1984	Bến Tre	Nữ	Kỹ thuật Cơ khí
45	Giản Văn	Toàn	01/09/1978	Tiền Giang	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
46	Trần Thanh	Toàn	16/12/1980	Long An	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
47	Tổng Văn	Trí	07/07/1977	Bến Tre	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
48	Võ Minh	Trọng	19/04/1983	Vĩnh Long	Nam	Kỹ thuật Cơ khí
49	Nhữ Việt	Cường	03/12/1976	Thanh Hoá	Nam	Chăn nuôi
50	Nguyễn Thanh	Hải	06/06/1991	Bình Thuận	Nam	Chăn nuôi
51	Lê Thị	Hằng	02/11/1989	Đồng Nai	Nữ	Chăn nuôi
52	Nguyễn Thanh Thanh	Huệ	04/06/1990	Bình Định	Nữ	Chăn nuôi
53	Trương Thị Nhật	Linh	06/12/1991	Đồng Tháp	Nữ	Chăn nuôi
54	Trần Lưu Thanh	Mai	26/08/1989	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Chăn nuôi
55	Lê Thành	Tài	20/10/1979	Tây Ninh	Nam	Chăn nuôi
56	Võ Thị Hiền	Thơ	01/08/1981	Long An	Nữ	Chăn nuôi
57	Phạm Thị Như	Tuyết	22/08/1989	Bắc Ninh	Nữ	Chăn nuôi
58	Huỳnh Ngọc	Vinh	23/11/1987	Quảng Ngãi	Nam	Chăn nuôi
59	Nguyễn Hồng	Anh	13/04/1986	Hải Dương	Nam	Kinh tế nông nghiệp
60	Nguyễn Việt	Anh	18/06/1976	Gia Lai	Nam	Kinh tế nông nghiệp
61	Hà Duy	Bảo	01/10/1970	Hà Tĩnh	Nam	Kinh tế nông nghiệp
62	Lê Thị	Bông	08/07/1992	Phú Yên	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
63	Bùi Hữu	Chát	05/07/1989	Nghệ An	Nam	Kinh tế nông nghiệp
64	Lê Thị Mỹ	Châu	26/05/1979	Ninh Thuận	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
65	Trần Thiên	Chí	18/03/1991	Bình Dương	Nam	Kinh tế nông nghiệp
66	Phạm Văn	Chiêm	25/08/1986	Nam Định	Nam	Kinh tế nông nghiệp
67	Trần Hoàng	Chung	17/03/1987	Lâm Đồng	Nam	Kinh tế nông nghiệp
68	Tô Trần Thanh	Chương	01/01/1989	Ninh Thuận	Nam	Kinh tế nông nghiệp
69	Đình Mạnh	Cường	16/10/1985	Quảng Bình	Nam	Kinh tế nông nghiệp
70	Nguyễn Xuân	Cường	26/09/1992	Long An	Nam	Kinh tế nông nghiệp
71	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	10/04/1990	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
72	Trần Anh	Dũng	01/01/1979	Quảng Ngãi	Nam	Kinh tế nông nghiệp
73	Trần Trung	Dũng	19/07/1981	Nam Định	Nam	Kinh tế nông nghiệp
74	Bạch Văn	Dương	14/08/1976	Ninh Thuận	Nam	Kinh tế nông nghiệp
75	Đồng Thị	Dương	09/11/1975	Nam Định	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
76	Đoàn Thị Thu	Hà	29/12/1965	Hà Nam	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
77	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	15/11/197	Lâm Đồng	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
78	Đoàn Thanh	Hải	15/06/1980	Hà Tĩnh	Nam	Kinh tế nông nghiệp
79	Trần Sỹ	Hân	21/11/1981	Hà Tĩnh	Nam	Kinh tế nông nghiệp
80	Đỗ Thị Ngọc	Hạnh	27/05/1976	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
81	Hoàng Sĩ	Hạnh	10/02/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh tế nông nghiệp
82	Lê Thị Mỹ	Hạnh	23/11/1982	Lâm Đồng	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
83	Nguyễn Xuân	Hào	01/06/1977	Ninh Thuận	Nam	Kinh tế nông nghiệp
84	Đồng Thị	Hiền	04/12/1984	Hải Dương	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
85	Nguyễn Thị Thu	Hiền	15/01/1979	Phú Thọ	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
86	Phan Nguyễn Phương	Hiền	26/07/1990	Bình Định	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
87	Đỗ Hữu	Hiệp	01/01/1987	Bình Định	Nam	Kinh tế nông nghiệp
88	Trần Ngọc	Hiếu	14/10/1979	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh tế nông nghiệp

STT	Họ và Tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới	Chuyên ngành
89	Nguyễn Thị	Hòa	24/09/1985	Ninh Thuận	Nam	Kinh tế nông nghiệp
90	Nguyễn Thị Mỹ	Hòa	21/09/1980	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
91	Lê	Hoàng	28/05/1983	Đắk Lắk	Nam	Kinh tế nông nghiệp
92	Trịnh Minh	Hoàng	23/07/1983	Gia Lai	Nam	Kinh tế nông nghiệp
93	Nguyễn Tiến	Hồng	28/12/1962	Hải Dương	Nam	Kinh tế nông nghiệp
94	Võ Thị	Hồng	26/01/1984	Ninh Thuận	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
95	Nguyễn Hữu	Hùng	13/10/1982	Lào Cai	Nam	Kinh tế nông nghiệp
96	Nguyễn Quốc	Hùng	15/05/1977	Quảng Ngãi	Nam	Kinh tế nông nghiệp
97	Huỳnh Thị Xuân	Hương	03/09/1988	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
98	Nguyễn Thị	Hương	08/08/1972	Nghệ An	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
99	Nguyễn Thị Thu	Hương	27/10/1978	Hưng Yên	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
100	Trần Quốc	Huy	02/03/1982	Quảng Trị	Nam	Kinh tế nông nghiệp
101	Mai Thị Hồng	Khánh	03/01/1971	Nghệ An	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
102	Trương Thị Ngọc	Lam	14/05/1990	Ninh Thuận	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
103	Trương Thị Ngọc	Lan	08/08/1989	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
104	Phạm Văn	Lào	17/11/1980	Bình Định	Nam	Kinh tế nông nghiệp
105	Dương Đình	Linh	16/08/1984	Nghệ An	Nam	Kinh tế nông nghiệp
106	Hoàng Ngọc	Linh	01/01/1989	Thừa Thiên -Huế	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
107	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	23/05/1986	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
108	Phan Thùy	Linh	06/06/1991	Ninh Thuận	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
109	Trần Thị Thu	Linh	02/01/1990	Bình Định	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
110	Đỗ Thị Trà	Lĩnh	12/10/1979	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
111	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	17/07/1985	Lâm Đồng	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
112	Hồ Sĩ Tường	Long	08/04/1983	Ninh Thuận	Nam	Kinh tế nông nghiệp
113	Nguyễn Bá	Luận	21/04/1986	Lâm Đồng	Nam	Kinh tế nông nghiệp
114	Đặng Văn	Mân	24/10/1983	Gia Lai	Nam	Kinh tế nông nghiệp
115	Kiều Đức	Mạnh	23/09/1989	Thanh Hoá	Nam	Kinh tế nông nghiệp
116	Hồ Tấn Hải	Minh	27/07/1989	Ninh Thuận	Nam	Kinh tế nông nghiệp
117	Nguyễn Văn	Mực	12/05/1966	Quảng Ngãi	Nam	Kinh tế nông nghiệp
118	Nguyễn Hoàng	Nam	01/01/1981	Gia Lai	Nam	Kinh tế nông nghiệp
119	Lê Hiếu	Nghĩa	01/01/1989	Ninh Thuận	Nam	Kinh tế nông nghiệp
120	Nguyễn Hồng	Nguyên	27/09/1990	Ninh Thuận	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
121	Lữ Thị Minh	Nguyệt	19/05/1981	Đắk Lắk	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
122	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	04/05/1989	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
123	Đoàn Thị Ái	Nhi	25/11/1975	Thừa Thiên -Huế	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
124	Kiều Thanh	Nhỏa	10/04/1981	Ninh Thuận	Nam	Kinh tế nông nghiệp
125	Dương Thị Hồng	Nhung	15/01/1990	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
126	Nguyễn Thị	Oanh	20/10/1973	Thanh Hoá	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
127	Nguyễn Thị Tổ	Oanh	28/08/1980	Quảng Nam	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
128	Phạm Quốc	Phong	10/04/1977	Ninh Thuận	Nam	Kinh tế nông nghiệp
129	Đinh Văn	Phúc	08/03/1980	Lâm Đồng	Nam	Kinh tế nông nghiệp
130	Lê Thanh	Phúc	02/11/1981	Tiền Giang	Nam	Kinh tế nông nghiệp
131	Nguyễn Ngọc Minh	Phụng	07/09/1990	An Giang	Nam	Kinh tế nông nghiệp
132	Trần Đình	Phương	20/02/1972	Nghệ An	Nam	Kinh tế nông nghiệp
133	Trương Thị Hoàng	Phương	01/10/1984	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
134	Nguyễn	Quý	23/06/1974	Lâm Đồng	Nam	Kinh tế nông nghiệp
135	Lê Văn	Son	02/09/1984	Hà Nội	Nam	Kinh tế nông nghiệp
136	Thái Văn	Son	20/08/1982	Lâm Đồng	Nam	Kinh tế nông nghiệp

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới	Chuyên ngành
137	Trần Văn Sơn	07/10/1970	Hải Dương	Nam	Kinh tế nông nghiệp
138	Lý Thanh Tâm	05/06/1978	Đồng Tháp	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
139	Trần Minh Tâm	12/10/1981	Bình Định	Nam	Kinh tế nông nghiệp
140	Trần Minh Tâm	25/12/1973	An Giang	Nam	Kinh tế nông nghiệp
141	Đặng Hoài Tân	11/01/1966	Bình Định	Nam	Kinh tế nông nghiệp
142	Bùi Anh Tấn	18/12/1985	Lâm Đồng	Nam	Kinh tế nông nghiệp
143	Phạm Khắc Thái	20/06/1972	Thanh Hoá	Nam	Kinh tế nông nghiệp
144	Võ Thị Lệ Thắm	16/12/1991	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
145	Nguyễn Nhan Thái	16/07/1987	Tây Ninh	Nam	Kinh tế nông nghiệp
146	Nguyễn Thị Thu Thảo	14/11/1991	Bình Dương	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
147	Nguyễn Thị Thu Thảo	20/10/1982	Bình Định	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
148	Dương Thông	25/09/1985	Lâm Đồng	Nam	Kinh tế nông nghiệp
149	Nguyễn Thị Thu	15/10/1990	Bình Định	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
150	Bùi Xuân Minh	25/05/1991	Lâm Đồng	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
151	Lê Thị Hồng Thúy	28/08/1989	Ninh Thuận	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
152	Nguyễn Bùi Như Thùy	28/12/1980	Lâm Đồng	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
153	Phạm Thị Thủy	26/05/1985	Thái Bình	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
154	Phan Thành Tiến	23/01/1991	Bình Định	Nam	Kinh tế nông nghiệp
155	Lê Đình Tiệp	10/02/1983	Thanh Hoá	Nam	Kinh tế nông nghiệp
156	Trịnh Văn Tĩnh	02/10/1984	Thanh Hoá	Nam	Kinh tế nông nghiệp
157	Nguyễn Ngọc Toàn	01/10/1969	Thừa Thiên - Huế	Nam	Kinh tế nông nghiệp
158	Hoàng Thu Trang	11/03/1986	Đắk Nông	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
159	Lê Thị Huệ Trang	01/05/1991	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
160	Nguyễn Thị Trang	25/07/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
161	Nguyễn Thị Ngọc Trang	13/02/1987	Lâm Đồng	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
162	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	05/04/1983	Lâm Đồng	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
163	Trần Thị Thiên Trang	22/09/1986	Bình Phước	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
164	Nguyễn Thị Kiều Trinh	01/01/1990	Phú Yên	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
165	Trương Thị Ngọc Trinh	13/08/1992	Đắk Lắk	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
166	Bùi Sĩ Trung	24/11/1988	Lâm Đồng	Nam	Kinh tế nông nghiệp
167	Đỗ Đức Trung	30/03/1967	Bắc Giang	Nam	Kinh tế nông nghiệp
168	Nguyễn Thanh Tuấn	20/10/1970	Bình Định	Nam	Kinh tế nông nghiệp
169	Nguyễn Đăng Tuyển	02/03/1973	Hải Dương	Nam	Kinh tế nông nghiệp
170	Nguyễn Thị Tuyết	04/04/1974	Hải Phòng	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
171	Lê Thị Hoàng Vi	15/07/1992	Gia Lai	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
172	Huỳnh Lê Viên	08/05/1989	Quảng Ngãi	Nam	Kinh tế nông nghiệp
173	Tướng Hồng Việt	03/02/1989	Bình Định	Nam	Kinh tế nông nghiệp
174	Nguyễn Hữu Vinh	01/06/1987	Bình Định	Nam	Kinh tế nông nghiệp
175	Nguyễn Mậu Vinh	01/11/1975	Quảng Ngãi	Nam	Kinh tế nông nghiệp
176	Nguyễn Thanh Vinh	30/04/1980	Ninh Thuận	Nam	Kinh tế nông nghiệp
177	Hoàng Thị Huyền	21/07/1988	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh tế nông nghiệp
178	Viên Ngọc Tuấn Anh	14/09/1984	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Lâm học
179	Nguyễn Hữu Danh	11/11/1979	Bình Thuận	Nam	Lâm học
180	Nguyễn Xuân Hải	08/12/1987	Bắc Ninh	Nam	Lâm học
181	Lê Thị Luận	02/06/1988	Thanh Hoá	Nữ	Lâm học
182	Chau Si Na	08/02/1981	An Giang	Nam	Lâm học
183	Nguyễn Hồ Quang	28/10/1990	Bình Định	Nam	Lâm học
184	Nguyễn Bảo Quốc	10/11/1989	Nghệ An	Nam	Lâm học

STT	Họ và Tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới	Chuyên ngành
185	Đàm Nguyễn Duy	Thịnh	29/11/1979	Lâm Đồng	Nam	Lâm học
186	Đỗ Thế	Tường	27/02/1984	Gia Lai	Nam	Lâm học
187	Nguyễn Thị Lệ	Ái	21/08/1990	Quảng Trị	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
188	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	15/07/1991	Đồng Nai	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
189	Lê Chí	Chinh	15/09/1988	Quảng Bình	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
190	Lê Minh	Chức	15/08/1990	Tiền Giang	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
191	Võ Thanh	Cường	02/10/1990	Bến Tre	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
192	Nguyễn Hải	Đăng	18/01/1978	TP. Hồ Chí Minh	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
193	Đinh Hùng	Danh	03/03/1980	Tây Ninh	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
194	Lê Tấn	Đạt	29/09/1983	Trà Vinh	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
195	Nguyễn Tuấn	Dũ	06/02/1991	TP. Hồ Chí Minh	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
196	Nguyễn Đại	Dương	30/03/1988	Đắk Lắk	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
197	Huỳnh Lê Bảo	Duy	00/00/1987	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
198	Đào Quỳnh	Giao	03/03/1991	Phú Yên	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
199	Tôn Trung	Hải	24/02/1980	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
200	Dương Thị Ngọc	Hân	13/10/1991	Bến Tre	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
201	Phạm Văn	Hiệp	07/03/1982	Tiền Giang	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
202	Lê Thị	Hồng	20/05/1990	Bình Phước	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
203	Hoàng Mạnh	Hùng	21/01/1987	Đồng Nai	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
204	Lâm Quốc	Hùng	18/12/1990	Bình Phước	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
205	Lương Thị	Hương	16/01/1988	Thái Bình	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
206	Đinh Tú	Khoa	10/12/1983	Tiền Giang	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
207	Trần Minh	Khỏe	00/00/1986	Đồng Tháp	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
208	Lưu Thị Mỹ	Kiều	11/05/1986	Bình Định	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
209	Võ Thị	Lâm	12/06/1986	Phú Yên	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
210	Nguyễn Duy	Liêm	10/10/1989	Hậu Giang	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
211	Ngô Thị	Liên	16/10/1989	Bình Định	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
212	Bùi Hữu	Long	28/05/1992	Hải Dương	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
213	Trần Hoàng	Minh	03/04/1979	Tiền Giang	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
214	Trần Thị Vương	Minh	15/06/1985	Gia Lai	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
215	Phạm Thị Thu	Ngân	12/11/1989	Ninh Thuận	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
216	Bùi Thị Kim	Nghĩa	27/10/1986	Đồng Tháp	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
217	Nguyễn Thị	Nhã	10/04/1974	Tiền Giang	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
218	Nguyễn Thị Tường	Nhi	06/03/1988	Đồng Nai	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
219	Phạm Thanh	Tâm	26/02/1988	Tiền Giang	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
220	Huỳnh Thị	Tha	01/01/1990	Bình Thuận	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
221	Phạm Ngọc	Thắng	23/10/1985	Bắc Ninh	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
222	Kiều Đình	Tháp	01/05/1981	Hà Nội	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
223	Trần Bảo Duy	Thương	05/09/1989	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
224	Nguyễn Kim	Toàn	16/11/1989	TP. Hồ Chí Minh	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
225	Đinh Thị Mai	Trang	24/12/1991	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
226	Nguyễn Thị Xuân	Trang	28/10/1986	Đồng Nai	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
227	Lê Thị Cẩm	Tú	15/08/1989	Tiền Giang	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
228	Nguyễn Thanh	Tuấn	22/06/1988	Bến Tre	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
229	Phạm Châu Anh	Tuấn	12/10/1991	TP. Hồ Chí Minh	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
230	Nguyễn Thanh	Tuyền	00/00/1982	An Giang	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
231	Bùi Nguyễn Cẩm	Vân	06/08/1991	Kon Tum	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
232	Phùng Văn	Vinh	02/06/1985	Long An	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường

STT	Họ và Tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới	Chuyên ngành
233	La Quang Hoài	Vũ	02/04/1989	Phú Yên	Nam	QL Tài nguyên & Môi trường
234	Nguyễn Thị Tô	Vy	18/09/1985	Bình Định	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
235	Nguyễn Thị Hải	Yến	19/07/1991	Đắk Lắk	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
236	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	04/11/1987	Tiền Giang	Nữ	QL Tài nguyên & Môi trường
237	Trần Thị Ngọc	Anh	25/01/1991	Lâm Đồng	Nữ	Quản lý đất đai
238	Bạch Thị Ngọc	Bích	25/11/1986	Quảng Ngãi	Nữ	Quản lý đất đai
239	Huỳnh Lê Anh	Chiến	26/02/1989	Đắk Lắk	Nam	Quản lý đất đai
240	Triệu Nguyên	Đáng	13/02/1983	Tây Ninh	Nam	Quản lý đất đai
241	Lê Thị Anh	Đào	12/11/1987	Tây Ninh	Nữ	Quản lý đất đai
242	Đỗ Thanh	Diệu	31/07/1991	Đồng Nai	Nữ	Quản lý đất đai
243	Cần Kim	Dũng	05/10/1989	Lâm Đồng	Nam	Quản lý đất đai
244	Lê Ngọc	Dũng	26/09/1984	Gia Lai	Nam	Quản lý đất đai
245	Trương Thị Thu	Hằng	08/10/1988	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Quản lý đất đai
246	Nguyễn Thị	Hạnh	23/05/1986	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Quản lý đất đai
247	Nguyễn Văn	Hiện	26/10/1980	Thái Bình	Nam	Quản lý đất đai
248	Phạm Trung	Hiếu	16/06/1987	Đồng Nai	Nam	Quản lý đất đai
249	Phạm Minh Huy	Hoàng	19/10/1987	Bình Dương	Nam	Quản lý đất đai
250	Nguyễn Thị	Hường	01/08/1980	Thái Bình	Nữ	Quản lý đất đai
251	Ngô Đức	Huy	20/10/1989	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Quản lý đất đai
252	Nguyễn Phi	Khanh	15/10/1985	Bình Dương	Nam	Quản lý đất đai
253	Trần Thị Hoàng	Khánh	04/05/1991	Đồng Nai	Nữ	Quản lý đất đai
254	Huỳnh Văn	Lĩnh	25/11/1976	Long An	Nam	Quản lý đất đai
255	Phạm Thị	Loan	02/09/1989	Thanh Hoá	Nữ	Quản lý đất đai
256	Phạm Thị	Lộc	20/10/1989	Lâm Đồng	Nữ	Quản lý đất đai
257	Phạm Phi	Long	16/03/1988	Bình Phước	Nam	Quản lý đất đai
258	Võ Thị	Lý	13/03/1979	Bình Dương	Nữ	Quản lý đất đai
259	Lưu Văn	Nam	15/02/1992	Thanh Hoá	Nam	Quản lý đất đai
260	Nguyễn Hữu	Ngân	24/08/1984	Bình Thuận	Nam	Quản lý đất đai
261	Trần Quý	Ngọc	01/06/1989	Quảng Nam	Nam	Quản lý đất đai
262	Nguyễn Thành	Nhân	27/10/1982	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Quản lý đất đai
263	Phạm Thanh	Phong	05/11/1991	Tây Ninh	Nam	Quản lý đất đai
264	Ngô Thị Tú	Quyên	01/11/1987	Tây Ninh	Nữ	Quản lý đất đai
265	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	14/01/1985	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Quản lý đất đai
266	Mai Xuân	Sáng	16/05/1985	Nam Định	Nam	Quản lý đất đai
267	Hoàng Thái	Son	06/12/1985	Ninh Bình	Nam	Quản lý đất đai
268	Lê Thành	Tài	29/12/1992	Long An	Nam	Quản lý đất đai
269	Võ Thị	Tâm	13/09/1981	Bình Thuận	Nữ	Quản lý đất đai
270	Bùi Ngọc	Tấn	10/12/1987	Bình Dương	Nam	Quản lý đất đai
271	Bùi Thị Thanh	Thắm	01/12/1990	Cà Mau	Nữ	Quản lý đất đai
272	Nguyễn Thu	Thảo	15/09/1987	Bình Dương	Nữ	Quản lý đất đai
273	Phan Trọng	Thế	01/09/1990	Nghệ An	Nam	Quản lý đất đai
274	Trần Đình	Thị	17/03/1991	Bến Tre	Nam	Quản lý đất đai
275	Bùi Anh	Thơ	11/07/1991	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Quản lý đất đai
276	Cù Vĩnh	Thuận	19/03/1984	Vĩnh Long	Nam	Quản lý đất đai
277	Trần Thị Ngọc	Thùy	25/08/1988	Tây Ninh	Nữ	Quản lý đất đai
278	Trần Thị	Trang	28/09/1989	Đắk Lắk	Nữ	Quản lý đất đai
279	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	02/03/1984	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Quản lý đất đai
280	Nguyễn Thị	Tuyết	10/01/1978	Bình Dương	Nữ	Quản lý đất đai

STT	Họ và Tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới	Chuyên ngành
281	Võ Thanh	Vân	22/04/1982	Bình Dương	Nữ	Quản lý đất đai
282	Trương Khắc	Vấn	10/10/1986	Đồng Nai	Nam	Quản lý đất đai
283	Đinh Quang	Vinh	23/03/1981	Ninh Bình	Nam	Quản lý đất đai
284	Châu Minh	Vũ	19/04/1991	Bình Định	Nam	Quản lý đất đai
285	Trần Quang	Vũ	09/02/1986	Long An	Nam	Quản lý đất đai
286	Nguyễn Hữu Thục	Uyên	19/08/1991	Đà Nẵng	Nữ	Quản lý đất đai
287	Trịnh Thị	Bền	20/10/1988	Đắk Lắk	Nữ	Công nghệ sinh học
288	Triệu Thị	Bích	20/08/1989	Cao Bằng	Nữ	Công nghệ sinh học
289	Nguyễn Thị Hằng	Hải	11/07/1988	Nghệ An	Nữ	Công nghệ sinh học
290	Phan Thị	Huệ	16/09/1986	Nghệ An	Nữ	Công nghệ sinh học
291	Nguyễn Xuân	Khánh	14/12/1988	Kon Tum	Nam	Công nghệ sinh học
292	Lê Nguyễn Tú	Linh	01/02/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Công nghệ sinh học
293	Nguyễn Thanh	Nam	23/11/1983	Bến Tre	Nam	Công nghệ sinh học
294	Nguyễn Thị Hương	Nhàn	29/11/1986	Quảng Ngãi	Nữ	Công nghệ sinh học
295	Nguyễn Văn	Phước	03/06/1986	Bình Thuận	Nam	Công nghệ sinh học
296	Thái Văn	Quy	18/09/1988	Đồng Tháp	Nam	Công nghệ sinh học
297	Lê Thị Như	Quỳnh	25/10/1992	Long An	Nữ	Công nghệ sinh học
298	Lương Nguyễn Thu	Tâm	11/11/1978	Tây Ninh	Nữ	Công nghệ sinh học
299	Nguyễn Thị Đăng	Thị	29/09/1987	Gia Lai	Nữ	Công nghệ sinh học
300	Dư Phúc	Thịnh	09/03/1991	Trà Vinh	Nam	Công nghệ sinh học
301	Lê Phước	Thọ	20/02/1991	Bình Thuận	Nam	Công nghệ sinh học
302	Nguyễn Thị Kim	Thoa	28/03/1984	Lâm Đồng	Nữ	Công nghệ sinh học
303	Nguyễn Thùy Hoài	Thương	12/09/1989	Bình Định	Nữ	Công nghệ sinh học
304	Nguyễn Thị Bích	Thủy	05/04/1978	Hà Nội	Nữ	Công nghệ sinh học
305	Trần Thị Phương	Anh	15/12/1991	Đồng Nai	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
306	Đào Thùy	Ánh	03/01/1988	Hải Dương	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
307	Trần Vũ	Bảo	08/12/1971	Bến Tre	Nam	Công nghệ Thực phẩm
308	Huỳnh Ngọc	Diễm	09/04/1989	Bạc Liêu	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
309	Bùi Thị Phương	Dung	01/01/1977	Quảng Ngãi	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
310	Đào Thị	Duyên	30/01/1981	Thái Bình	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
311	Lê Trường	Giang	07/01/1989	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Công nghệ Thực phẩm
312	Hồ Trung	Hiếu	08/08/1991	Long An	Nam	Công nghệ Thực phẩm
313	Bùi Thế	Hoài	23/01/1991	Đồng Nai	Nam	Công nghệ Thực phẩm
314	Nguyễn Minh	Hùng	18/08/1984	Bình Thuận	Nam	Công nghệ Thực phẩm
315	Bùi Phạm Thanh	Hương	19/11/1989	Đồng Nai	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
316	Đào Thị Minh	Hương	31/07/1988	Khánh Hòa	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
317	Trần Thị Thu	Hương	06/11/1979	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
318	Võ Hoàng	Khai	28/08/1971	Trà Vinh	Nam	Công nghệ Thực phẩm
319	Trần Minh	Khoa	13/02/1990	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Công nghệ Thực phẩm
320	Ngô Thị	Kiều	15/03/1992	Đắk Lắk	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
321	Đặng Văn	Lâm	17/12/1970	Hà Nội	Nam	Công nghệ Thực phẩm
322	Nguyễn Bùi Hoàng	Lân	18/11/1978	Cần Thơ	Nam	Công nghệ Thực phẩm
323	Văn Bá	Lãnh	11/10/1989	Tiền Giang	Nam	Công nghệ Thực phẩm
324	Nguyễn Huy	Lộc	08/02/1990	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Công nghệ Thực phẩm
325	Hồ Thị	Mai	16/05/1985	Bình Định	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
326	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	20/12/1989	Đồng Nai	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
327	Đặng Thúy	Mùi	20/08/1979	Bạc Liêu	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
328	Phan Thị Trà	My	12/11/1988	Đồng Nai	Nữ	Công nghệ Thực phẩm

STT	Họ và Tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới	Chuyên ngành
329	Nguyễn Thành	Nghĩa	09/03/1977	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Công nghệ Thực phẩm
330	Vũ Thị	Ngọc	07/02/1990	Đồng Nai	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
331	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	14/04/1992	Vĩnh Long	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
332	Đặng Hoàng	Tân	01/05/1991	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Công nghệ Thực phẩm
333	Lương Phan Duy	Tân	02/08/1990	Cần Thơ	Nam	Công nghệ Thực phẩm
334	Thái Văn	Thắng	10/12/1979	Nghệ An	Nam	Công nghệ Thực phẩm
335	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	23/09/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
336	Nguyễn Văn	Thanh	01/01/1989	Bến Tre	Nam	Công nghệ Thực phẩm
337	Lê Thị	Thảo	09/10/1987	Thanh Hoá	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
338	Nguyễn Sang Dạ	Thảo	30/10/1991	Đắk Lắk	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
339	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	06/02/1991	Tây Ninh	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
340	Trần Thị Bích	Thảo	26/08/1990	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
341	Đỗ Văn	Thìn	07/11/1990	Phú Yên	Nam	Công nghệ Thực phẩm
342	Lê Thị Mỹ	Tiên	01/05/1990	Tiền Giang	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
343	Nguyễn Thái Thùy	Trang	12/11/1990	Gia Lai	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
344	Nguyễn Tiến	Vương	31/03/1990	Bình Dương	Nam	Công nghệ Thực phẩm
345	Nguyễn La	Vỹ	24/02/1992	Bình Định	Nữ	Công nghệ Thực phẩm
346	Nguyễn Công	Đức	17/12/1974	Bình Định	Nam	Nuôi trồng Thủy sản
347	Trương Bá	Hải	21/12/1986	Nghệ An	Nam	Nuôi trồng Thủy sản
348	Lê Văn	Hậu	23/08/1988	An Giang	Nam	Nuôi trồng Thủy sản
349	Trương Thị Diệu	Hòa	03/04/1983	Thừa Thiên -Huế	Nữ	Nuôi trồng Thủy sản
350	Trương Hữu	Khuê	30/05/1987	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Nuôi trồng Thủy sản
351	Ma Nguyễn Minh	Luân	22/10/1988	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Nuôi trồng Thủy sản
352	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	10/08/1992	Long An	Nữ	Nuôi trồng Thủy sản
353	Hoàng Như	Phúc	26/12/1990	Bến Tre	Nam	Nuôi trồng Thủy sản
354	Tô Thị Yến	Trình	05/06/1991	Tiền Giang	Nữ	Nuôi trồng Thủy sản
355	Nguyễn Quỳnh Như	Anh	26/12/1990	Bình Dương	Nữ	Khoa học Cây trồng
356	Trần Ngọc	Anh	10/08/1983	Quảng Bình	Nam	Khoa học Cây trồng
357	Phạm Thị Thanh	Bình	02/05/1990	Đắk Lắk	Nữ	Khoa học Cây trồng
358	Lưu Hoàng	Ca	21/01/1980	Lâm Đồng	Nam	Khoa học Cây trồng
359	Nguyễn Thị Diễm	Chi	08/06/1986	Sóc Trăng	Nữ	Khoa học Cây trồng
360	Đặng Thành	Công	06/08/1977	Bình Thuận	Nam	Khoa học Cây trồng
361	Đinh Văn	Cường	10/02/1982	Bình Dương	Nam	Khoa học Cây trồng
362	Đoàn Hữu	Cường	12/01/1979	Bến Tre	Nam	Khoa học Cây trồng
363	Nguyễn Quốc	Cường	30/01/1977	Vĩnh Long	Nam	Khoa học Cây trồng
364	Lê Thị Trang	Đài	09/10/1990	Tây Ninh	Nữ	Khoa học Cây trồng
365	Trần Thế	Dân	29/11/1973	Phú Yên	Nam	Khoa học Cây trồng
366	Đặng Công	Danh	01/03/1989	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Khoa học Cây trồng
367	Huỳnh Thị Ngọc	Diễm	29/10/1977	Long An	Nữ	Khoa học Cây trồng
368	Cao Thị	Diễm	00/00/1983	Long An	Nữ	Khoa học Cây trồng
369	Dương Thị Hồng	Diệu	20/11/1989	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Khoa học Cây trồng
370	Trần Đăng	Dũng	09/06/1969	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Khoa học Cây trồng
371	Nguyễn Thị Thùy	Dương	13/08/1990	Tiền Giang	Nữ	Khoa học Cây trồng
372	Nguyễn Trần Hoa Trùng	Dương	26/08/1990	Sóc Trăng	Nữ	Khoa học Cây trồng
373	Ngô Thị Hương	Giang	06/10/1991	Nam Định	Nữ	Khoa học Cây trồng
374	Nguyễn Thị	Giang	05/08/1988	Hà Nội	Nữ	Khoa học Cây trồng
375	Hoàng Văn	Hải	20/05/1986	Thanh Hoá	Nam	Khoa học Cây trồng
376	Lê Thị Thúy	Hằng	27/07/1987	Bình Định	Nữ	Khoa học Cây trồng

STT	Họ và Tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới	Chuyên ngành
377	Nguyễn Đăng Phương	Hằng	30/11/1989	Đồng Nai	Nữ	Khoa học Cây trồng
378	Hồ Đức	Hào	15/02/1989	Thừa Thiên -Huế	Nam	Khoa học Cây trồng
379	Nguyễn Huy	Hoàng	06/04/1990	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Khoa học Cây trồng
380	Võ Mạnh	Hùng	28/05/1986	Nghệ An	Nam	Khoa học Cây trồng
381	Ngô Thị Anh	Khôi	18/11/1990	Khánh Hoà	Nữ	Khoa học Cây trồng
382	Lê Thị	Kiều	24/12/1990	Nghệ An	Nữ	Khoa học Cây trồng
383	Nguyễn Thị	Mai	01/09/1982	Bình Dương	Nữ	Khoa học Cây trồng
384	Lê Văn	Minh	08/07/1987	Thanh Hoá	Nam	Khoa học Cây trồng
385	Nguyễn Xuân	Minh	11/12/1984	Hà Nội	Nam	Khoa học Cây trồng
386	Trịnh Việt	Nga	24/06/1968	Hà Nội	Nữ	Khoa học Cây trồng
387	Nguyễn Lê Kim	Ngân	04/12/1991	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Khoa học Cây trồng
388	Đặng Minh	Nguyệt	12/10/1984	Hà Nội	Nữ	Khoa học Cây trồng
389	Huỳnh Yến	Nhi	26/12/1991	Phú Yên	Nữ	Khoa học Cây trồng
390	Trần Thị Phương	Nhung	05/03/1990	Thừa Thiên -Huế	Nữ	Khoa học Cây trồng
391	Võ Thanh	Phụng	02/02/1984	Đồng Nai	Nam	Khoa học Cây trồng
392	Nguyễn Thị Bích	Phượng	05/07/1989	Bình Dương	Nữ	Khoa học Cây trồng
393	Ngô Trần Ngọc	Quý	02/01/1987	Tây Ninh	Nam	Khoa học Cây trồng
394	Đỗ Nữ Lệ	Quyên	14/09/1971	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Khoa học Cây trồng
395	Lê Thị Kim	Quỳnh	27/09/1989	Bình Thuận	Nữ	Khoa học Cây trồng
396	Quảng Đức	Thạch	06/06/1992	Ninh Thuận	Nam	Khoa học Cây trồng
397	Nguyễn Phúc	Thành	07/06/1987	Phú Yên	Nam	Khoa học Cây trồng
398	Phạm Thị	Thu	16/06/1987	Thanh Hoá	Nữ	Khoa học Cây trồng
399	Trần Thị Minh	Thư	09/01/1983	Tiền Giang	Nữ	Khoa học Cây trồng
400	Lê Phước	Thuận	01/05/1977	Đồng Tháp	Nam	Khoa học Cây trồng
401	Võ Thị Hồng	Thúy	08/03/1980	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Khoa học Cây trồng
402	Đặng Văn	Tới	19/12/1982	Đồng Tháp	Nam	Khoa học Cây trồng
403	Nguyễn Thị Nha	Trang	27/09/1983	Hà Tĩnh	Nữ	Khoa học Cây trồng
404	Lê Thị Tuyết	Trinh	23/11/1979	Ninh Thuận	Nữ	Khoa học Cây trồng
405	Lê Công	Trình	02/12/1982	Sóc Trăng	Nam	Khoa học Cây trồng
406	Nguyễn Phi	Trường	26/02/1988	Bình Dương	Nam	Khoa học Cây trồng
407	Nguyễn Văn	Trượng	23/08/1970	Bình Định	Nam	Khoa học Cây trồng
408	Lê Thanh	Tuấn	07/05/1989	Gia Lai	Nam	Khoa học Cây trồng
409	Phan Thị Thanh	Tuyền	09/09/1989	Vĩnh Long	Nữ	Khoa học Cây trồng
410	Nguyễn Thị Kim	Uyên	20/11/1987	Bình Thuận	Nữ	Khoa học Cây trồng
411	Phạm Quốc	Vinh	23/04/1988	Tiền Giang	Nam	Khoa học Cây trồng
412	Lê Như	Ý	25/05/1982	Tiền Giang	Nam	Khoa học Cây trồng
413	Nguyễn Đặng Hoài	An	27/04/1987	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Thú y
414	Lương Thị Hoàng	Anh	18/06/1991	Phú Yên	Nữ	Thú y
415	Trần Ngọc	Bích	01/01/1977	Ninh Thuận	Nam	Thú y
416	Vũ Đức	Cường	10/09/1987	Lâm Đồng	Nam	Thú y
417	Phạm Công	Điện	02/02/1969	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Thú y
418	Nguyễn Luật	Định	10/05/1990	Tiền Giang	Nam	Thú y
419	Lê Văn	Du	23/05/1972	Tây Ninh	Nam	Thú y
420	Lê Thị Hạnh	Dung	19/04/1989	Trà Vinh	Nữ	Thú y
421	Lê Trần Hồng	Hạnh	30/06/1990	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Thú y
422	Phạm Anh	Hùng	27/08/1990	Khánh Hoà	Nam	Thú y
423	Nguyễn Phạm	Huỳnh	15/12/1983	Tiền Giang	Nam	Thú y
424	Chu Minh	Khuong	22/04/1979	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Thú y

STT	Họ và Tên		Năm sinh	Nơi sinh	Giới	Chuyên ngành
425	Nguyễn Thị Phương	Lan	26/11/1986	Đồng Nai	Nữ	Thú y
426	Nguyễn Văn	Nghị	08/02/1990	Gia Lai	Nam	Thú y
427	Trương Hồng	Nhật	02/04/1991	Đồng Nai	Nam	Thú y
428	Nguyễn Phan Quỳnh	Nhi	05/07/1985	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Thú y
429	Lê Thị Thu	Sương	23/05/1989	Quảng Nam	Nữ	Thú y
430	Nguyễn Thành	Tân	26/07/1991	Bình Thuận	Nam	Thú y
431	Hà Minh	Thiện	09/03/1983	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Thú y
432	Phạm Thị Thu	Thủy	08/10/1990	Khánh Hoà	Nữ	Thú y
433	Trần Dương Mỹ	Tiên	10/02/1989	Vĩnh Long	Nữ	Thú y
434	Diệp Tấn	Toàn	20/11/1988	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Thú y
435	Phạm Văn Thành	Ton	19/05/1982	Tiền Giang	Nam	Thú y
436	Nguyễn Bá	Tuân	26/08/1990	An Giang	Nam	Thú y
437	Nguyễn Mạnh	Tuấn	23/09/1990	Đồng Nai	Nam	Thú y
438	Nguyễn Minh	Tuấn	04/09/1986	Trà Vinh	Nam	Thú y
439	Đặng Thị	Tuyết	28/05/1972	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Thú y
440	Võ Thành Phụng	Uyên	01/11/1987	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Thú y
441	Trần Quốc	Vĩ	25/11/1988	Nghệ An	Nam	Thú y

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

Trong đó gồm:

Bảo vệ Thực vật	17
CN Chế biến lâm sản	5
Kỹ thuật Cơ khí	26
Chăn nuôi	10
Công nghệ sinh học	18
Công nghệ Thực phẩm	41
Nuôi trồng Thủy sản	9
Khoa học Cây trồng	58
Thú y	29
Quản lý đất đai	50
Kinh tế nông nghiệp	119
QL Tài nguyên và Môi trường	50
Lâm học	9
	441



PGS.TS. Nguyễn Hay